

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI HOÀNG NGUYỄN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI HOÀNG NGUYỄN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOANG NGUYEN TRADING SERVICES INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SERVICES HOANG NGUYEN., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110778794

3. Ngày thành lập: 09/07/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Ngõ 3, Xóm Ủy Ban, Thôn Tự Khoát, Xã Ngũ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0972357892

Fax:

Email: chuthithuylieu@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
2.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
3.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
4.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
5.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
6.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
7.	Tái chế phế liệu	3830
8.	Xây dựng nhà để ở	4101
9.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
10.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
11.	Phá dỡ	4311
12.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng).	4312
13.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
14.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
15.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
16.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Xây dựng nền móng của tòa nhà, gồm đóng cọc	4390
17.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ và đại lý ô tô và xe có động cơ khác.	4511

18.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Đại lý xe có động cơ khác	4513
19.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
20.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
21.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa	4610
22.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
23.	Bán buôn thực phẩm	4632
24.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu.	4649
25.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
26.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);	4659
27.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
28.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại (Trừ các loại nhà nước cấm).	4669
29.	Điều hành tua du lịch	7912
30.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
31.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ hàng gốm sứ, thủy tinh lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh lưu động hoặc tại chợ	4789
32.	Bán mô tô, xe máy	4541
33.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: - Bán buôn đồ uống có cồn. - Bán buôn đồ uống không có cồn	4633
34.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
35.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
36.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
37.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723

38.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
39.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến. - Bán buôn xi măng. - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi. - Bán buôn kính xây dựng. - Bán buôn sơn, vécni. - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh. - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.	4663
40.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
41.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
42.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
43.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
44.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
45.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng)	4933
46.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ hoạt động vận tải hàng không)	5229
47.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
48.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
49.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
50.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
51.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
52.	Cơ sở lưu trú khác Chi tiết: - Ký túc xá học sinh, sinh viên - Chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dùng để nghỉ tạm.	5590
53.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5911
54.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
55.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Theo điều 10, Luật kinh doanh bất động sản số: 66/2014/QH13)	6810

56.	Quảng cáo	7310
57.	Hoạt động nhiếp ảnh (Trừ hoạt động của phóng viên ảnh)	7420
58.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
59.	Cung ứng lao động tạm thời (Không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và cung ứng, quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài).	7820
60.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (Không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và cung ứng, quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài).	7830
61.	Đại lý du lịch Chi tiết: Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch.	7911
62.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
63.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
64.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
65.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
66.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
67.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
68.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
69.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
70.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
71.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
72.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Trừ hoạt động của các nhà báo độc lập)	9000
73.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
74.	Hoạt động bảo vệ tư nhân Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ bảo vệ	8010(Chính)
75.	Bán buôn tổng hợp (trừ dược phẩm và những loại nhà nước cấm)	4690
76.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622

77.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
78.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
79.	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa	1702
80.	In ấn (Trừ các loại hình Nhà nước cấm)	1811
81.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
82.	Sao chép bản ghi các loại (Trừ các loại hình Nhà nước cấm)	1820
83.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
84.	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất bao bì từ plastic.	2220
85.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610

6. **Vốn điều lệ:** 9.966.000.000 VNĐ
Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 996.600

8. **Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN THANH DỰ	Thôn Tụ Khoát, Xã Ngũ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	0010900165 67	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	797.280	7.972.800.000	80,000		
			Cổ phần phổ thông	797.280	7.972.800.000	80,000		

2	CHU THỊ THÚY LIỄU	Thôn Tụ Khoát, Xã Ngũ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	038192001718	
			Cổ phần phổ thông	99.660	996.600.000	10,000		
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	99.660	996.600.000	10,000		
3	TRẦN VĂN MINH	Thôn Tụ Khoát, Xã Ngũ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	001058015532	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	99.660	996.600.000	10,000		
			Cổ phần phổ thông	99.660	996.600.000	10,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN THANH DUY

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 10/08/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001090016567

Ngày cấp: 25/04/2021

Nơi cấp: *cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Tự Khoát, Xã Ngũ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Tự Khoát, Xã Ngũ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội